TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HSST
Ngày: 14-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Công Hoan**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**
Ông **Huỳnh Bá Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Đặng Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP ., xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2025/HSST ngày 17 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

NGUYỄN HỮU T - Sinh ngày: 02/07/1990 - Tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT: Tổ C, phường K, quận N, TP Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L (chết) và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ là Liang X (quốc tịch Trung Quốc) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông **Phạm Đình K** - SN: 2000; Địa chỉ: Thôn B, xã K, H. Đ, T. K. Nơi ở: F N, phường M, quận N, TP Đà Nẵng

2. Bà **Nguyễn Thị T1** - SN: 1995, Địa chỉ: B Đại Lộ H, TDP L, P. C, TP C, T2 Khánh Hoà

3. Ông **Nguyễn Văn T3** - SN: 1986, Địa chỉ: Châu Sơn 2, X. Điện Tiến, Điện Bàn, Quảng Nam

4. Ông **Nguyễn Hữu V** - SN: 2002, Địa chỉ: Thôn V, X. Đ, H. Đ, T. T. Nơi ở: F N, phường M, quận N, TP Đà Nẵng

5. Ông **Nguyễn Trung P** - SN: 1985, Địa chỉ: Tổ D, P. K, Q. N, Đà Nẵng.

6. Bà **Vũ Thị T4** - SN: 2000, Địa chỉ: TDP Đ, P. H, TX N, T. T. Nơi ở: A P, P. M, quận N, TP Đà Nẵng

7. Bà **Lê Thị Thu H** – SN: 1995. Địa chỉ: K D, phường K, quận N, TP Đà Nẵng

8. Bà **Trần Thị Tuyết T5 –** SN: 1997. Địa chỉ: C C, phường M, quận N, TP Đà Nẵng

9. Bà **Nguyễn Thị Huệ T6** – SN: 1991. Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng

10. Bà **Lê Nguyễn Như Q** – SN: 2003. Địa chỉ: đường N, phường H, quận N, TP Đà Nẵng

11. Bà **Nguyễn Thị Thu H1 -** SN: 2001. Địa chỉ: 5 đường B, phường H, quận H, TP Đà Nẵng

12. Ông **Trần Tiến A** – SN: 1999. Địa chỉ: F N, phường M, quận N, TP Đà Nẵng **.**

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường - Công an T9 thi hành các Quyết định khám xét nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 14-20/QĐ-KNCG ngày 20/8/2024 đối với 07 cửa hàng H3 trên địa bàn quận N và S do Nguyễn Hữu T làm chủ phát hiện, thu giữ tổng cộng 2.909 bao thuốc lá điếu ngoại nhập các loại (có bảng thống kê chi tiết kèm theo, cụ thể:

- Cửa hàng tại địa chỉ số D V, P. K, Q. N, TP . thu giữ 1.345 bao thuốc lá điếu.

- Cửa hàng tại địa chỉ số F N, P. M, Q. N, TP . thu giữ 34 bao thuốc lá điếu.

- Cửa hàng tại địa chỉ số A Đ, P. M, Q. N, TP . thu giữ 240 bao thuốc lá điếu.

- Cửa hàng tại địa chỉ số A T, P. P, Q. S, TP . thu giữ 60 bao thuốc lá điếu.

- Cửa hàng tại địa chỉ số A T, P. M, Q. N, TP . thu giữ 300 bao thuốc lá điếu.

- Cửa hàng tại địa chỉ số F H, P. P, Q. S, TP . thu giữ 560 bao thuốc lá điếu.

- Cửa hàng tại địa chỉ Lô A V, P. K, Q. N, TP . thu giữ 370 bao thuốc lá điếu.

Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Hữu T:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, IMEI 1: 358640385118303, IMEI 2: 358640385091237 (Được niêm phong trong bì thư có chữ ký của Nguyễn Hữu T và Lê Hoàng T7);

- Số tiền 68.110.911 đồng – tổng số dư cuối kỳ tính đến ngày T bị bắt (16/12/2024) của 03 tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Hữu T được sử dụng trong quá trình kinh doanh các cửa hàng.

*** Theo Kết luận giám định số 2164/KL-KTHS ngày 21/10/2024** của Phân viện Khoa học hình sự tại TP . kết luận: 2.909 bao thuốc lá tạm giữ đều không phải là sản phẩm thuốc lá được sản xuất, nhập khẩu hợp pháp để tiêu thụ tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất). Phân viện KHHS tại TP.Đà Nẵng không đủ cơ sở kết luận các sản phẩm thuốc lá nêu trên có nguồn gốc, xuất xứ chính xác từ nước nào.

H2 lại đối tượng giám định: toàn bộ mẫu vật còn lại sau giám định theo Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 23/10/2024.

Quá trình điều tra, từ lời khai nhận của Nguyễn Hữu T, người liên quan cùng các vật chứng thu giữ xác định:

T là chủ của 07 cửa hàng H3 (địa chỉ như trên, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) chuyên kinh doanh các mặt hàng tạp hóa, bia, rượu, thuốc lá,... Khoảng đầu tháng 9/2023, nhận thấy nhu cầu người tiêu dùng thuốc lá ngoại nhập tăng, lợi nhuận cao nên T đã đặt mua tổng cộng khoảng 2950 bao thuốc lá điếu ngoại nhập các loại không có hóa đơn chứng từ, không được sản xuất, nhập khẩu hợp pháp để tiêu thụ tại Việt Nam. Cụ thể: Đối với thuốc lá có chữ Trung Quốc trên vỏ bao, không có nhãn phụ bằng Tiếng Việt, T đặt qua trang thương mại điện tử Alibaba, thanh toán bằng tiền Trung Quốc thông qua ví điện tử, thẻ tín dụng rồi được chuyển phát về Việt Nam; Đối với thuốc lá có chữ Hàn Quốc trên vỏ bao, không có nhãn phụ bằng Tiếng Việt, T mua từ những người chào hàng trực tiếp (không rõ nhân thân lai lịch) đến cửa hàng. Toàn bộ số thuốc lá T bảo quản, cất giấu tại cửa hàng địa chỉ D V, P.Khu Ê, Q.N, TP.Đà Nẵng sau đó được phân phối đến 06 cửa hàng còn lại để tiêu thụ. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 09/2024 đến ngày 23/9/2024, T đã bán khoảng 41 bao thuốc lá, còn lại 2909 bao thuốc lá bị phát hiện thu giữ như trên.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKSNHS ngày 14/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . thì bị cáo Nguyễn Hữu T bị truy tố về tội: *"Buôn bán hàng cấm"* theo điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 190 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

*** Về tang vật**:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 15, màu hồng, IMEI 1: 358640385118303, IMEI 2: 358640385091237 là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu, sung công quỹ Nhà nước đối với điện thoại và tiêu hủy sim;

- Đối với số tiền 68.110.911đ đề nghị quy trữ để đảm bảo thi hành án với số tiền tương ứng và tuyên trả số tiền còn lại cho bị cáo.

- Đối với mẫu vật còn lại sau giám định được hoàn trả theo Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 23/10/2024, là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì nên HĐXX không xem xét.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ngày 23/9/2024, tại 07 cửa hàng H3 trên địa bàn quận N và S, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường - Công an T9 phát hiện Nguyễn Hữu T có hành vi tàng trữ 2909 bao thuốc lá không phải là sản

phẩm thuốc lá được sản xuất, nhập khẩu hợp pháp để tiêu thụ tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất) nhằm mục đích mua bán.

[2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Mặc dù bị cáo biết rõ hành vi mua bán thuốc lá không rõ nguồn gốc là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Nên Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố bị cáo về tội: *"Buôn bán hàng cấm"* và đề nghị mức hình phạt như trên đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi buôn bán hàng cấm của bị cáo đã xâm phạm trật tự an toàn, trị an xã hội. Do tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý thị trường hàng hóa của nhà nước. HĐXX xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án đúng với tính chất hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và áp dụng khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo với số tiền 30.000.000đ mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe các đối tượng khác có hành vi tương tự.

Song xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo có nhiều hoạt động thiện nguyện, tài trợ cho ngành giáo dục. HĐXX xét thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Từ những nhận định ở trên, HĐXX xét thấy không cần thiết phải xử cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bản thân bị cáo cũng là thoả đáng.

Ngoài ra, T còn 04 cửa hàng gồm: Cửa hàng tại địa chỉ H V, P.Khu Ê,Q.N, TP.Đà Nẵng; cửa hàng tại địa chỉ khu dân cư A, phường Đ, TX Đ, T. Q; cửa hàng tại địa chỉ A N, phường C, TP H, T. Q; cửa hàng tại thôn T, xã D, H. D, T. Q. Tuy nhiên, qua kiểm tra thì các mặt hàng tại 04 cửa hàng này đều có nguồn gốc, xuất xứ và hóa đơn chứng từ đầy đủ nên Cơ quan CSĐT Công an quận N không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với nguồn gốc thuốc lá điếu nhập lậu do T đặt mua trên trang thương mại điện tử Alibaba (hiện tài khoản đã bị khóa) và mua từ những người chào hàng trực tiếp đến cửa hàng, do không xác định được nhân thân lai lịch người bán nên không có cơ sở xử lý nên HĐXX không đề cập đến.

Đối với Phạm Đình K; Nguyễn Thị T1; Nguyễn Văn T3; Nguyễn Hữu V; Nguyễn Trung P và Vũ Thị T4 được T nhờ đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại 06 cửa hàng và các nhân viên tại 07 cửa hàng đều không biết, không

liên quan và không hưởng lợi gì từ việc buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu của T nên Cơ quan CSĐT Công an quận N không xử lý là có căn cứ.

[3] Về tang vật:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 15, màu hồng, IMEI 1: 358640385118303, IMEI 2: 358640385091237 là công cụ T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy cần tuyên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước đối với điện thoại và tiêu hủy sim;

- Đối với số tiền 68.110.911đ đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, xét thấy cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án số tiền 30.200.000đ và tuyên trả lại cho bị cáo 37.910.911đ.

- Đối với toàn bộ mẫu vật còn lại sau giám định được hoàn trả theo Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 23/10/2024, là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, xét thấy cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T, phạm tội *"Buôn bán hàng cấm"*.

[1.1] Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án, ngày 14/4/2025.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 190 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường K, quận N, TP Đà Nẵng giám sát giáo dục trong suốt thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

[2] Về tang vật: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật TTHS

- Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 15, màu hồng, IMEI 1: 358640385118303, IMEI 2: 358640385091237.

-Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật còn lại sau giám định được hoàn trả theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 23/10/2024 và sim điện thoại số: 0974.888.432.

- T8 tiếp tục quy trữ số tiền 30.200.000đ để đảm bảo thi hành án

- Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T 37.910.911đ (ba mươi bảy triệu, chín trăm mười nghìn, chín trăm mười một đồng)

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19/3/2025 tại Chi cục Thi hành án quận Ngũ Hành Sơn, TP . và giấy nộp tiền lập ngày 19/4/2025).

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND quận NHS;

TÒA
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Công Hoan